TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST.
Ngày: 16 - 3 - 2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng và ông Nguyễn Văn Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, về: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 05/2023/QĐST-DS ngày 21/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T(tên viết tắt S).

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, phường S, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 264, đường T, tổ 10, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng D – Giám đốc chi nhánh Thái Bình.

(Theo Quyết định v/v ủy quyền ký kết hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng, số 3161/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L - Phó phòng Kiểm soát rủi ro, (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 264, đường T, tổ 10, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Theo Giấy ủy quyền số 06/2022/GUQ-CNTBI ngày 31/5/2022 của Giám đốc chi nhánh Thái Bình).

2. Bị đơn: Chị Lương Thị Hồng V, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 01/7, ngõ 09, đường T, tổ 02, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh Lai trình bày:*

Ngày 27/04/2020, chị Lương Thị Hồng V ký kết với S chi nhánh Thái Bình Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S (gọi là Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng). Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho chị V với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Lãi suất 2,6%/tháng tương đương 31,2%/năm. Ngày chốt giao dịch là ngày 22 hàng tháng. Sau khi chốt thông báo giao dịch (TBGD) ngân hàng gửi cho chị V TBGD mà chị V đã đăng ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/04/2020. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Mục 23. Cách tính lãi:

23.1. Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ. Lãi được tính như sau:

a) Đối với Giao Dịch Mua Hàng Hóa/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến (không áp dụng với thẻ nội địa, phí, lệ phí): Nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến Hạn, Chủ Thẻ phải thanh toán lãi cho S đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong Thông Báo giao dich hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên Thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong TBGD mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ.

Nếu Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến Hạn theo TBGD thì Chủ Thẻ được miễn lãi đối với tất cả các giao dịch tại TBGD hiện tại.

Giao Dịch Rút Tiền Mặt/Tương Đương Rút Tiền Mặt: Lãi được tính từ ngày Chủ Thẻ thực hiện giao dịch cho đế hết ngày Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ số tiền đã sử dụng/đã rút.

23.2. S có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ Thẻ".

Khách hàng còn phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều Khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 223.596.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 204.883.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều Khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao Dịch Rút Tiền Mặt/tương đương Rút Tiền Mặt của kỳ trước; Giao Dịch Mua Hàng Hóa/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao Dịch Rút Tiền Mặt/tương đương Rút Tiền Mặt trong kỳ; Giao Dịch Mua Hàng Hóa/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến trong kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 22/08/2021 đến nay chị V không thanh toán cho Ngân hàng số tiền dư nợ còn lại. Qua nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng chị V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại mục 18 của Bản Điều Khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên ngày 22/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại mục 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 28.295.424 đồng làm nợ gốc, (áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Như vậy, tại thời điểm khách hàng vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ khách hàng, từ khi khách hàng chuyển nợ nhóm 3 Ngân hàng mới áp dụng lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính từ ngày chấm dứt thẻ 23/12/2021 đến hết ngày 16/3/2023, chị V còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ để áp dụng lãi suất quá hạn (nợ gốc): 27.695.424 đồng (nợ phát sinh đầu kỳ 22/12/2021 + giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí VHM + phí - thanh toán). Từ ngày 25/1/2023 dư nợ gốc là 27.695.424 đồng do ngày 25/01/2022 chị V thanh toán được 600.000 đồng;

Lãi quá hạn: Được tính trên số tiền nợ gốc 27.695.424 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến ngày chị V thanh toán tiếp theo và lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc còn lại. Công thức tính lãi suất theo ngày, cụ thể 1 ngày = lãi trong hạn (tháng) x 150% của lãi trong hạn = 2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng/30 ngày.

Lãi quá hạn từ ngày 22/12/2021 đến ngày 25/01/2022 được tính trên dư nợ gốc là: 28.295.424 đồng (tại thời điểm chấm dứt sử dụng thẻ) x 3,9%/30 ngày x 34 ngày = 1.250.656 đồng;

Do ngày 25/01/2022, chị V đã 600.000 đồng tiền gốc nên dư nợ gốc còn là 27.695.424 đồng.

Lãi quá hạn từ ngày 25/01/2022 đến hết ngày 16/3/2023 là: 27.695.424 đồng x 3,9%/30 ngày x 415 ngày = 14.941.660 đồng. Cộng lãi quá hạn là: 16.192.316 đồng. Tổng gốc và lãi quá hạn là: 43.887.740 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu chị V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên chị V vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

- Chị V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/3/2023 là 43.887.740 đồng trong đó: Nợ gốc: 27.695.424 đồng; Lãi quá hạn: 16.192.316 đồng; chị V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/3/2023 cho đến khi thực tế thanh toán trả hết nợ tại Ngân hàng theo Hợp đồng và chị V phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí theo dân sự, án phí thi hành án liên quan theo luật thi hành án.

Bị đơn chị Lương Thị Hồng V đã nhận được các văn bản tố tụng dân sự của Toà án cùng đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nhưng chị V không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến, quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, quan điểm của chị V đối với yêu cầu khởi kiện của S và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/12/2022, đại diện tổ dân phố số 01, phường Quang Trung và UBND phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cung cấp: Chị Lương Thị Hồng V, sinh năm 1987 hiện tại đang cư trú tại số nhà 01/7, ngõ 09, đường Trần Thánh Tông, tổ 01, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Năm 2021, đại diện Ngân hàng S có liên hệ với tổ trưởng tổ dân phố để đòi nợ chị V.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình,phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều: 49, 63, 97, 173, 177, 178, 196, 203, 207, 208, 237, 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 254, 260, 261 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Tuyên buộc chị Lương Thị Hồng V phải trả toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi, theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho Ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu kể từ ngày Tòa ra bản án cho đến ngày chị V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án thấy là phù hợp pháp luật nên cần xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tiêu dùng). Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 27/4/2020, giữa S chi nhánh Thái Bình với chị Lương Thị Hồng V, theo đó Ngân hàng cho chị V vay số tiền 25.000.000 đồng mục đích để tiêu dùng. Do chị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện vụ án dân sự. Do đó Tòa án xác đinh quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn có mặt; bị đơn đã nhận được các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc, không tham g ia tố tụng tại phiên tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến, quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thì thấy ngày 27/04/2020, Ngân hàng S(viết tắt là S) chi nhánh Thái Bình và chị Lương Thị V có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bao gồm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Việc ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Hợp đồng quy định các điều, khoản rõ ràng, chi tiết như: Hạn mức tín dụng, thông tin loại thẻ, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất, các loại phí, ngày chốt giai dịch, quyền và nghĩa vụ của các bên, ... Cho thấy, nội dung của Hợp đồng này bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai của các bên; khi lập hợp đồng S chi nhánh Thái Bình và chị V thể hiện rõ ý chí của mình và thống nhất thỏa thuận với nhau về các điều khoản mà các bên phải thực hiện. Từ căn cứ trên cho thấy các bên khi ký kết hợp đồng đã tuân thủ đúng các quy định tại các Điều 292, 298, Điều 299 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực.

[2.2] Xét yêu cầu của S buộc chị Lương Thị Hồng V trả nợ tiền gốc là 27.695.424 đồng thì thấy: Sau khi cấp thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ chị V đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 223.596.000 đồng, chị V đã thanh toán cho Ngân hàng

số tiền 204.883.000 đồng, sau đó chị V không trả nợ nữa nên ngày 22/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 28.295.424 đồng nợ gốc sang nợ quá hạn. Đến ngày 25/01/2022, chị V thanh toán được 600.000 đồng nợ gốc nên dư nợ gốc còn lại là 27.695.424 đồng. Tính từ ngày 25/01/2022 hết ngày 16/3/2023, chị V còn dư nợ gốc là 27.695.424 đồng (nợ phát sinh đầu kỳ 22/12/2021 + giao dịch + phí trễ hạn + lãi + phí VHM + phí - thanh toán). Việc chị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán và dư nợ gốc với số tiền nêu trên tại Ngân hàng là có cơ sở, điều này được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân; Biên bản làm việc về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đề ngày 02/3/2021 ký kết giữa Ngân hàng và chị V; bản Tóm tắt sao kê các ngày: 31/5/2022, 20/12/2022; các Công văn về việc hỗ trợ đôn đốc thanh toán nợ quá hạn số: 115/2021/CV-CNTBI, ngày 01/3/2021; số: 111/2021/CV-CNTBI ngày 25/02/2021; số: 110/2021/CV-CNTBI đề ngày 25/02/2021; số: 109/2021/CV-CNTBI đề ngày 25/02/2021; số: 107/2021/CV-CNTBI đề ngày 23/02/2021. Căn cứ các tài liệu trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc chị Lương Thị Hồng V có nghĩa vụ trả số tiền dư nợ gốc là 27.695.424 đồng cho Ngân hàng.

[2.3] Xét Ngân hàng yêu cầu chị V trả nợ lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 16/3/2023, số tiền 16.192.316 đồng theo công thức tính lãi suất theo ngày, cụ thể 1 ngày = lãi trong hạn (tháng) x 150% của lãi trong hạn = 2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng/30 ngày, thì thấy Ngân hàng đã áp dụng tính lãi suất quá hạn đúng quy định tại các mục 18, 123, 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó cần buộc chị V có nghĩa vụ trả nợ tiền lãi suất quá hạn theo yêu cầu của Ngân hàng.

[2.4] Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Lương Thị Hồng V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2.5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S được chấp nhận nên S không phải nộp tiền án phí dân sự. Chị Lương Thị Hồng V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Căn cứ các các Điều 117, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật

các tổ chức Tín dụng. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Tuyên bố:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S(S) về việc buộc chị Lương Thị Hồng V, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 01/7, ngõ 09, đường T, tổ 02, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, có nghĩa vụ trả nợ cho S.

2.2. Buộc chị Lương Thị Hồng V có nghĩa vụ trả nợ cho S số tiền dư nợ gốc là 27.695.424 đồng và số tiền lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 16/3/2023 là 16.192.316 đồng, tổng cộng là 43.888.000 đồng (làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Lương Thị Hồng V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền còn phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lương Thị Hồng V phải nộp 2.194.000 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho S số tiền 837.000 đồng tạm ứng án phí dân sự, S đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001261 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/3/2023. Bị đơn vắng mặt có 15 ngày kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hân